

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 392/2019/DS-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-DS ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH Một thành viên A;

Trụ sở: Tầng 2, Toà nhà B, số 09 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: : Ông Nguyễn Anh T; Sinh năm 1993;

Theo văn bản ủy quyền số 362/UQTA-VH.19 ngày 15/3/2019

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số 18C/17 F, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A (Gọi tắt là A FC) có ông Nguyễn Anh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/01/2016, ông Dương Văn Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20160105-700063-2093 với A FC vay số tiền 26.201.223đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm linh một nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông Dương Văn Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 43.412.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng, 28 tháng đầu mỗi tháng trả 1.498.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.468.000 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/5/2016.

Thực hiện hợp đồng, ông Dương Văn Đ đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho A FC tổng số tiền là 4.494.000đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Sau đó, ông Dương Văn Đ không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào dù A FC nhiều lần nhắc nhở.

Nay, A FC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Dương Văn Đ thanh lý hợp đồng trả một lần cho A FC toàn bộ số tiền còn nợ là 38.918.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 24.596.148 đồng và khoản nợ lãi 14.321.852 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; không yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử. **Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Đ còn phải phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Dương Văn Đ đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông Đ cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông Dương Văn Đ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – ông Dương Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, 474, Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A khởi kiện ông Dương Văn Đ yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Hiện nay, bị đơn – ông Dương Văn Đ đang cư trú tại Quận H (Theo kết quả xác minh của Công an Phường G, Quận H trên cơ sở Phiếu yêu cầu xác minh số 168/PYCXM ngày 23/4/2019 của Tòa án Nhân dân Quận 8), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A có ông Nguyễn Anh T là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông T.

Bị đơn – ông Dương Văn Đ, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Dương Văn Đ.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, việc Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A (Gọi tắt là A FC) yêu cầu ông Dương Văn Đ trả cho A FC số tiền còn nợ 38.918.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 24.596.148 đồng và khoản nợ lãi 14.321.852 đồng) được thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160105-700063-2093 đã

ký ngày 05/01/2016, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160105-700063-2093 và Văn bản thỏa thuận đã ký cùng ngày 05/01/2016 giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A (A FC) và ông Dương Văn Đ cùng các chứng cứ, tài liệu khác do A FC cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa A FC với ông Dương Văn Đ có giao kết Hợp đồng tín dụng, số tiền vay 43.412.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) gồm cả gốc và lãi với mục đích tiêu dùng cá nhân là có thật.

Thực hiện hợp đồng ông Dương Văn Đ đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng nhưng chỉ thực hiện thanh toán cho công ty được tổng số tiền 4.494.000đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Sau đó, ông Đ không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nữa cho A FC dù A FC đã thực hiện nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, đến thời điểm xét xử ông Dương Văn Đ còn nợ A FC tổng số tiền 38.918.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 24.596.148 đồng và khoản nợ lãi 14.321.852 đồng).

Xét, ông Dương Văn Đ đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng đã ký kết, vi phạm quy định pháp luật tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó A FC yêu cầu thanh lý hợp đồng trước hạn và yêu cầu ông Dương Văn Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 38.918.000 đồng (Gồm khoản nợ gốc: 24.596.148 đồng và khoản nợ lãi 14.321.852 đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

Việc Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A không yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử đối với số tiền nợ nêu trên là không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 có quy định:

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Điệp chậm trả tiền thì ông Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Dương Văn Đ đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông Đ cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A. Điều này xem như ông Dương Văn Đ đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Văn Đ phải chịu là 38.918.000đ x 5% = 1.945.900đ (Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm đồng);

- Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11;
- Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;
- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Dương Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A số tiền 38.918.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười tám nghìn đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về yêu cầu không tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử, sau khi xét xử đối với khoản nợ trên của ông Dương Văn Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Dương Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.945.900đ (Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 973.000đ (Chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019371 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên A và ông Dương Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính